

I. Write these words in English.

Chăm chỉ

Tốt bụng

Thông minh

Hiền lành

Con cá sấu

Con chăn

Con công

Con tinh tinh

Gầm to

Di chuyển đẹp

Di chuyển nhẹ nhàng

Ăn chậm

II. Translate into English:

1. Bạn đang đọc gì vậy?

.....

2. Tớ đang đọc A la đánh và cây đèn thần.

.....

3. Bạn đọc sách vào thời gian rảnh phải không? - Ừ, đúng rồi.

.....

4. An Tiêm là người như thế nào?

.....

5. Ông ấy chăm chỉ.

.....

6. Nhân vật chính như thế nào?

.....

7. Cô ấy hiền lành và tốt bụng.

.....

8. Bạn có thích Bạch Tuyết không? – Có chứ.

.....
9. Bạn đã làm gì ở sở thú?
.....

10. Tớ xem công và tinh tinh. (quá khứ)
.....

11. Bạn có xem những con chăn không? (quá khứ) – Tớ không.
.....

12. Những con hổ làm gì khi bạn ở đó? (quá khứ)
.....

13. Chúng gầm to. (quá khứ)
.....

14. Bạn ở sở thú khi nào?
.....

15. Những con chăn di chuyển nhẹ nhàng. (quá khứ)
.....

16. Những con gấu trúc ăn chậm. (quá khứ)
.....

17. Những con công đã làm gì khi Phong ở sở thú?
.....

18. Tôi đã xem rất nhiều con vật ở sở thú.
.....

19. Bảo đang làm gì vậy?
.....

20. Cậu ấy đang chơi cờ vua cùng với Thái.
.....

21. Tại sao bạn học tiếng Anh?
.....

22. Bởi vì tôi muốn nói chuyện với những người bạn nước ngoài của tôi.
.....

23. Linh luyện nghe tiếng Anh bằng cách xem hoạt hình tiếng Anh trên tivi hàng ngày.
.....